

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 6 - 2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Ân
- Bà Dương Thị Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 80/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Kim L, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số D đường B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đoàn Quang P, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp H, xã L, tỉnh Tây Ninh.

(bà L vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt, ông P vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27/3/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị Kim L trình bày:

Bà và ông Đoàn Quang P quen biết, được gia đình hai bên đồng ý nên đã xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008. Cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã và không còn sống chung nhà. Hiện nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đoàn Quang P.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Đoàn Thị Ngọc H, sinh năm 1998 và Đoàn Thị Ngọc T, sinh năm 2006. Hiện nay, cả hai con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đoàn Quang P: Ông P vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P tiếp tục vắng mặt. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Bà L vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt, ông P vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Quang P, ông P có địa chỉ tại ấp H, xã L, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về phạm vi xét xử: Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu gì của bị đơn mặc dù đã được Tòa án gửi bản sao Đơn khởi kiện cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng để bị đơn biết và thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án và chỉ xem xét những nội dung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quy định tại Điều 5, Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Kim L (CCCD số 089179010304) và ông Đoàn Quang P (CCCD số 080075014776) có xác lập quan hệ hôn nhân theo Trích lục kết hôn số 16/2008 ngày 29/02/2008 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Tây Ninh) nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung, bà L cho rằng vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau, hiện nay tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho ông P các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, ông P đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà L, không thể hiện thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung: Theo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện bà L và ông P có 02 con chung tên Đoàn Thị Ngọc H, sinh năm 1998 và Đoàn Thị Ngọc T, sinh năm 2006. Hiện nay, cả hai con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung. Ông P vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Kim L đối với bị đơn ông Đoàn Quang P về việc yêu cầu ly hôn: Cho bà Ngô Thị Kim L được ly hôn với ông Đoàn Quang P.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị Kim L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà Ngô Thị Kim L đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007393 ngày 09/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà Ngô Thị Kim L đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND.KV4 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Lương Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thúy